

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số:21/2019/TLST – DS ngày 20 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà **Nguyễn Thị X** - sinh năm 1950. Quê Quán: Thôn R H, xã Th T, huyện Th O, TP H. HKTT: Lô D, khu H Đ, quân H B , H N.

Ông **Nguyễn B C**, sinh năm 1948. Quê Quán: Thôn R H, xã Th T, huyện Th O, TP H. HKTT: Lê T M, Phường 13, Quận 6, thành phố H.

Bà **Nguyễn Thị B** - sinh năm 1956. Quê Quán: Thôn R H, xã Th T, huyện Th O, TP H. Nơi HKTT: P15, Nhà A2, Tập thể H N, phường C D, Đ Đ, H N.

Ông **Nguyễn Kiên C**, sinh năm 1960. Quê Quán: Thôn R H, xã Th T, huyện Th O, TP H. Hộ khẩu: số 14 ngõ 24 Ng P L, C D, Đ Đ, H N.

(Ông B C, ông C ủy quyền cho bà Nguyễn Thị X).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1953. ĐKNKTT và nơi ở: Thôn R H, xã Th T, huyện Th O, TP H. Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1969. Hộ khẩu: tổ 12, phường Đ M, quận H Đ, thành phố H

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị Ch**, sinh năm 1963 (Vợ ông Kiên C). Người được ủy quyền: ông Nguyễn Kiên C.
- Anh **Nguyễn Ngọc Th**, sinh năm 1975 (Con ông L và bà V);
- Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1979 (Con ông L và bà V);
- Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1981 (Con ông L và bà V);
- Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1985 (Con ông L và bà V). Anh Th, anh V và anh Q uỷ quyền cho chị Nguyễn Thị M.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X đồng thời là đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn B C, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Kiên C đồng thời là đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ch cùng bị đơn do ông Nguyễn Văn Th là đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị M đồng thời là đại diện theo uỷ quyền của anh Nguyễn Ngọc Th, anh Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Văn Q thống nhất thoả thuận phân chia khối tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn G, sinh năm 1920, chết năm 1987 và cụ Tạ Thị D, sinh năm 1921, chết năm 2008 gồm:

- Thừa đất thửa số 510, tờ bản đồ số 4, diện tích 90m² đất tại thôn R H, xã Th T, Th O, H N hiện nay do ông Nguyễn Kiên C, bà Nguyễn Thị Ch quản lý và sử dụng.

- Thừa đất số 511, tờ bản đồ số 04, có diện tích 161m² đất tại thôn R H, xã Th T, Th O, H N hiện nay do Nguyễn Thị V quản lý và sử dụng.

- Thừa thửa đất 299, tờ bản đồ số 4, diện tích 45m² đất, tại thôn R H, xã Th T, Th O, H N hiện nay do bà Nguyễn Thị V quản lý và sử dụng.

Cụ Nguyễn Văn G, sinh năm 1920, chết năm 1987 và cụ Tạ Thị D, sinh năm 1921, chết năm 2008 có 05 người con gồm: Ông **Nguyễn B C**, sinh năm 1948, Bà **Nguyễn Thị X** - sinh năm 1950, Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1952, chết năm 2005; Bà **Nguyễn Thị B** - sinh năm 1956, Ông **Nguyễn Kiên C**, sinh năm 1960.

Các bên thống nhất thoả thuận phân chia tài sản như sau:

2.1. Ông Nguyễn Kiên C được sử dụng toàn bộ thửa đất thửa số 510, tờ bản đồ số 4, diện tích 90m^2 đất. Tổng trị giá định giá tài sản và đo đạc thực tế gồm: Đất $93,4\text{m}^2 \times 5.000.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 467.000.000$ đồng. Nhà cấp bốn xây 1963: $32\text{m}^2 \times 1.557.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 10\% = 4.982.000$ đồng. Nhà cấp bốn lợp mái tôn xây 2015, xây liền nhà vệ sinh + bể lọc nước: $25,7 \text{ m}^2$, trong đó: Nhà cấp bốn lợp mái tôn: $15,8\text{m}^2 \times 1.241.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 60\% = 11.764.680$ đồng. Nhà vệ sinh + bể lọc nước: $4,9\text{m}^2 \times 1.050.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 40\% = 2.058.000$ đồng. Sân lát gạch đỏ: $31,1\text{m}^2 \times 253.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 40\% = 3.147.000$ đồng. Tường xây bao hai phía: $14,1\text{m}^2 \times 610.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 20\% = 1.720.000$ đồng. 02 téc nước Inox loại 1.000L x $2.500.000\text{đồng}/\text{chiếc} \times 40\% = 2.000.000\text{đồng}$. 01 cây bưởi: 140.000đồng. Cổng Inox hai cánh: $2,2\text{m}^2 \times 476.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 50\% = 523.000$ đồng. Tổng trị giá tài sản là 493.334.680đồng

2.2. Bà Nguyễn Thị V được sử dụng thửa đất 299, tờ bản đồ số 4, diện tích 45m^2 đất, Đất: $45\text{m}^2 \times 15.000.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 675.000.000$ đồng. Móng xây gạch, trên đổ bê tông, giằng cốt thép: $42\text{m}^2 \times 1.000.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 42.000.000$ đồng. 05 ống tuýp bằng sắt phi 90, dài 6m x $320.000/\text{ống} = 1.600.000$ đồng. Tổng trị giá tài sản là 718.600.000đồng.

2.3. Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn B C mỗi người sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 511, tờ bản đồ số 04, có diện tích 161m^2 đất. Tổng trị giá định giá tài sản và đo đạc thực tế gồm: Đất $159,9\text{m}^2 \times 5.000.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 799.500.000$ đồng. Nhà cỏ 5 gian: $56,5\text{m}^2 \times 2.292.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 30\% = 38.849.400$ đồng. Nhà cấp bốn hai gian xây liền cổng ngõ: $25,1\text{m}^2 \times 1.557.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 30\% = 11.724.000$ đồng. Sân lát gạch đỏ: $42,1\text{m}^2 \times 253.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 10\% = 1.065.000$ đồng. Bể nước: $3,5\text{m}^3 \times 2.656.000\text{đồng}/\text{m}^3 \times 20\% = 1.859.200$ đồng. Nhà vệ sinh phía trên có chứa bể nước: $2,3\text{m}^2 \times 979.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 30\% = 675.510$ đồng. 01 Tủ đứng ba buồng gỗ: 500.000đồng; 01 bộ trường kỷ gỗ: 2.000.000đồng; 01 ghế gỗ khuân tranh: 500.000đồng; 01 giường gỗ bonet: 200.000đồng. (Đối với tủ chè, hoành phi và câu đối là đồ thờ không định giá). 01 cây nhãn : 780.000đồng. 01 cây mít: 200.000đồng. Tổng trị giá tài sản là 857.850.100đồng. Về mốc giới và sử dụng tài sản trên thửa đất số 511 do bà V và ông B C thống nhất tự thỏa thuận phân chia khi làm thủ tục tách thửa và nhận đất.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án

dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.4. *Về án phí*: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Kiên C được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được hưởng theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi của Quốc Hội ngày 23/11/2009 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại bà Nguyễn Thị X 4.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002xxx ngày 19/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Oai. Trả lại bà Nguyễn Thị B 4.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002xxx ngày 19/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Oai. Trả lại ông Nguyễn B C 4.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002xxx ngày 19/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Oai. Trả lại ông Nguyễn Kiên C 4.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002xxx ngày 19/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Oai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh Oai;
- THADS huyện Thanh Oai;
- Các ĐS;
- Lưu HS.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI
Thẩm phán

Phạm Vũ Phương